

Số: **560** /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể
phát triển kinh tế - xã hội huyện Tân Kỳ đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 148/TTr-SKHĐT ngày 19 tháng 01 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tân Kỳ đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tân Kỳ đến 2020 phải phù hợp với Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị, Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020; Phát triển kinh tế - xã hội huyện gắn kết chặt chẽ với các địa phương trong vùng miền Tây Nghệ An.

2. Mở rộng dân chủ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp. Đảm bảo thực hiện đồng thời 3 mục tiêu “kinh tế, xã hội và môi trường” trong phát triển. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có như tài nguyên khoáng sản, đất đai,... kết hợp với khai thác nguồn lực từ bên ngoài; Đẩy mạnh thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các vùng sản xuất cây nguyên liệu, chăn nuôi tập trung; Tập trung đầu tư phát triển

một số sản phẩm chủ lực của huyện để hình thành hàng hóa có quy mô lớn, chất lượng cao.

4. Phát huy tối đa nội lực, cùng với sự hỗ trợ từ cấp trên và vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để phát triển; tập trung mọi nguồn lực để từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy nội lực, thu hút mọi nguồn lực, phấn đấu đưa Tân Kỳ sớm trở thành huyện khá của khu vực miền Tây tỉnh Nghệ An vào năm 2020 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 5 năm (theo giá so sánh) là 10,5-11,5%.

- Cơ cấu giá trị gia tăng theo giá hiện hành đến năm 2020: Nông lâm thủy sản khoảng 29-30%; Công nghiệp - Xây dựng khoảng 32-33%; Dịch vụ khoảng 37-38%.

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người đến 2020 là 47-50 triệu đồng.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân từ 12-13%/năm và đến 2020 đạt khoảng 55 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2015-2020 khoảng 14.000-15.000 tỷ đồng.

- Số xã đạt chuẩn Nông thôn mới đến năm 2020 từ 10-12 xã.

- Tỷ lệ đô thị hóa từ 10-12% .

b) Mục tiêu xã hội

- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 80%; tỷ lệ làng, bản, khối, cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 67%; số xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 45-50%.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 71%.

- 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ; có 5 bác sỹ/vạn dân; 100% xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 12%.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế >85%

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên dưới 13%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm 1,5-2%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 50-55%, trong đó: lao động qua đào tạo nghề 45-50%; giải quyết việc làm bình quân hàng năm từ 1.300 - 1.500 người.

c) Mục tiêu môi trường

- Tỷ lệ dân dùng nước hợp vệ sinh 95%.
- Tỷ lệ che phủ rừng 43-45%.
- Tỷ lệ rác thải rắn được thu gom 90%.

d) Mục tiêu về quốc phòng, an ninh

- 100% số xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt khá, tốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.
- 100% số xã, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu;

III. LỰA CHỌN KHẤU ĐỘT PHÁ

1. Phát triển Công nghiệp:

Phát huy tiềm năng khoáng sản sẵn có để phát triển các sản phẩm cạnh tranh cao như gạch, ngói màu không nung, cát sỏi...

2. Phát triển Xây dựng:

Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông.

3. Phát triển Nông nghiệp:

Áp dụng khoa học và công nghệ cao vào phát triển trồng trọt chăn nuôi như phát triển mô hình cánh đồng mẫu lớn lúa, ngô hay trang trại bò thịt, bò sữa, dê...

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành Nông, lâm, thủy sản

a) Phương hướng chung:

- Bám sát quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2030, để tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực có lợi thế tạo hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó ưu tiên một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất các loại cây trồng

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Từng bước phát triển sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Hình thành và xây dựng chuỗi

giá trị sản phẩm, phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến.

b) Mục tiêu:

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4-5%/năm. Đến năm 2020 ngành Nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng 29-30%.

c) Điều chỉnh, bổ sung phân ngành chính:

*** Về trồng trọt:**

Ổn định diện tích, cơ cấu các loại cây trồng, tập trung chỉ đạo các loại cây trồng chủ lực của huyện, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh đưa các loại giống mới, có giá trị thu nhập cao, phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng, có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Cây lương thực: Ổn định diện tích, tập trung đầu tư thâm canh, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là khâu giống để tăng năng suất, tập trung chỉ đạo sản xuất một số vùng lúa chất lượng cao, phân đầu tổng sản lượng lương thực khoảng 70.000 tấn (*tăng 7.700 tấn so với 2015*), cụ thể như sau

+ Cây lúa: Ổn định tổng diện tích trồng lúa đến năm 2020 ở mức 9.000ha, tăng năng suất lên 56,5 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 50.850 tấn.

+ Cây ngô: Ổn định tổng diện tích trồng ngô đến năm 2020 ở mức 4.000ha, tăng năng suất lên 47 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 18.800 tấn. Quy hoạch diện tích trồng ngô để làm thức ăn cho Bò sữa và Bò úc với diện tích là 550ha đến năm 2020.

- Cây công nghiệp ngắn ngày:

+ Cây mía: Ổn định diện tích mía đến năm 2020 là khoảng 6.000ha, trong đó quy hoạch vùng mía ứng dụng công nghệ cao là 3.000 ha; Tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, đưa các giống mới có chất lượng tốt vào sản xuất để tăng năng suất lên 70tấn/ha, tổng sản lượng đạt 420.000tấn.

+ Cây sắn: Giảm diện tích trồng sắn sang trồng các cây công nghiệp khác như cây ngô và cây cỏ nuôi bò sữa. Ổn định diện tích sắn đến năm 2020 khoảng 1.000ha, tăng năng suất lên 260 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 26.000tấn.

+ Cây lạc: Ổn định tổng diện tích trồng lạc đến năm 2020 ở mức 500ha, tăng năng suất lên 24 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 1.200 tấn.

+ Cây cỏ: Đến năm 2020, quy hoạch diện tích trồng cỏ để làm thức ăn cho bò Sữa và bò Úc là 2.000ha.

+ Cây nấm: Tiếp tục nhận rộng mô hình sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu đã có để phát triển sản phẩm này thành hàng hóa.

- Cây công nghiệp dài ngày:

+ Cây cao su: Duy trì ổn định diện tích cây cao su hiện có đến năm 2020 khoảng 1.965ha, tăng năng suất lên 14 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 1.680 tấn.

+ Cây cam: Quy hoạch diện tích cây cam vào năm 2020 đạt 250ha, diện tích cho sản phẩm là 200ha, năng suất tăng lên 120 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 2.400 tấn. Tiếp tục ứng dụng các tiến bộ mới về giống và kỹ thuật, nhất là tưới nhỏ giọt, phấn đấu đến năm 2020 lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt cho cây cam đến năm 2020 là 100ha.

+ Cây chè: Quy hoạch khoảng 200ha chè đến năm 2020 tại xã Phú Sơn và liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

* *Về chăn nuôi*: Có chính sách để thu hút đầu tư, xây dựng nhiều trang trại chăn nuôi lợn và bò có quy mô công nghiệp, phát triển gà đồi. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa, kinh tế trang trại, gia trại, đưa chuồng trại chăn nuôi ra khỏi khu vực dân cư. Cải tạo chất lượng đàn trâu, bò, lợn, liên kết với các doanh nghiệp nhằm tăng khả năng sản xuất hàng hóa, phấn đấu tốc độ tăng bình quân hàng năm của tổng đàn trâu 2,2%, bò là 2,8%, lợn là 2,5%. Tăng cường công tác thú y, phòng và chống bệnh dịch, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường, sinh thái.

- Đàn trâu, bò: Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển ngành chăn nuôi đàn trâu, bò. Chú trọng phát triển các loại giống tốt đặc biệt là bò Úc, có chính sách khuyến khích nuôi bò Úc để đưa Tân Kỳ trở thành trung tâm bò Úc giống và thịt lớn nhất tỉnh. Đây là giải pháp quan trọng để chuyển dịch cơ cấu ngành Nông nghiệp và tăng tỷ trọng của ngành chăn nuôi trong nội ngành. Phấn đấu đến năm 2020 tổng đàn trâu đạt 33.100 con, đàn bò đạt 45.200 con.

- Đàn lợn: Tăng đàn lợn lên 65.000 con vào năm 2020.

- Đàn gia cầm: Tăng đàn gia cầm lên 858.000 con vào năm 2020.

- Đàn Dê: Tăng đàn dê lên 40.147 con vào năm 2020, xây dựng thương hiệu dê Tân Kỳ.

* *Lâm nghiệp*:

- Tiếp tục phát triển kinh tế rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, phấn đấu giai đoạn 2016-2020 trồng 7.300ha rừng tập trung và đến năm 2020 độ che phủ rừng đạt 43-45%, phát triển nguồn nguyên liệu, phục vụ sản xuất đồ mộc gia dụng, nguyên liệu chế biến giấy và nguyên liệu phục vụ ngành nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ khác.

- Thực hiện tốt công tác khoanh nuôi, bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng, không để cháy rừng lớn xảy ra. Diện tích khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng tăng lên 31.815.000 m³.

* *Thủy sản*: Tận dụng, khai thác triệt để diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản, đầu tư thâm canh đến năm 2020 diện tích nuôi trồng thủy sản 1.375ha, sản lượng 2.200 tấn phục vụ nhu cầu dân sinh, phát triển kinh tế.

* *Phát triển Nông thôn*:

- Tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện một cách đồng bộ các nhiệm vụ và

giải pháp xây dựng nông thôn mới được xác định tại Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 6/6/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.

- Tiếp tục củng cố và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, trong đó chú trọng kiện toàn các HTX theo luật HTX 2012 để làm tốt các khâu dịch vụ cho bà con nông dân (nhất là kiến thức KHKT và công nghệ, giống cây, con, vật tư phục vụ sản xuất), liên kết nông dân với doanh nghiệp, các nhà khoa học, định hướng sản xuất theo nhu cầu thị trường và tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

- Làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động, huy động, lồng ghép các chương trình dự án để tập trung nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, ưu tiên cho các xã về đích trong giai đoạn 2016-2020. Phần đầu đến năm 2020 có 10-12 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 6-8 xã, số tiêu chí đạt được toàn huyện là 17,3 tiêu chí, tăng 5,44 tiêu chí so với 2015.

2. Phát triển ngành Công nghiệp, xây dựng

a) Phương hướng phát triển:

- Phát triển Công nghiệp huyện phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp của tỉnh, gắn với sự phát triển KT - XH của vùng.

- Tập trung mọi nguồn lực để kêu gọi đầu tư xây dựng phát triển Công nghiệp
- Xây dựng, khai thác tốt nhất mọi tiềm năng sẵn có và vận dụng tối đa mọi chủ trương chính sách của tỉnh giành cho huyện để có bước phát triển đột phá ngành Công nghiệp - Xây dựng trong giai đoạn từ 2016-2020.

- Phát triển Công nghiệp phải mang tính bền vững, gắn kết chặt chẽ với xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng thị trấn, các thị tứ và gắn với bảo vệ môi trường. Chủ động hợp tác với các địa phương trong và ngoài tỉnh, tập trung nguồn lực đầu tư cho những sản phẩm công nghiệp đã được xác định là khâu đột phá quan trọng trong thời gian 2016-2020.

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất và sản phẩm có chất lượng, có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường.

b) Mục tiêu phát triển:

- Tốc độ tăng trưởng GTHH bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15,5-16,5%/năm với tổng giá tăng thêm (giá 2010) năm 2020 là 3.138 tỷ đồng.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020 đạt khoảng 32-33%.

c) Nhiệm vụ, giải pháp:

*** Công nghiệp sản xuất VLXD:**

- Tiếp tục xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng ứng dụng công nghệ mới. Đầu tư đồng bộ về công nghệ và tổ chức sản xuất đa dạng hóa và nâng cấp Ngõ Cù, tăng dần tỷ lệ sản phẩm cao cấp của Ngõ Cù.

- Đầu tư nhà máy gạch không nung, tiếp tục chỉ đạo hoàn thành 2 nhà máy gạch ngói tuynel xã Nghĩa Hoàn công suất 40 triệu viên/năm, nhà máy ngói lợp và gạch trang trí tại xã Nghĩa Dũng, nhà máy ngói tại xã Tân Long; Nâng công suất nhà máy Gạch tuynel xã Kỳ Sơn, phấn đấu đến 2020 có 50 triệu viên ngói tuynel và khoảng 80 triệu viên gạch tuynel.

- Đẩy mạnh khai thác cát sỏi một cách hợp lý nhất, gắn với bảo vệ môi sinh, môi trường.

** Công nghiệp Chế biến Nông - Lâm - Thủy sản, thực phẩm:*

Tăng cường thu thu đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến Nông - Lâm - Thủy sản, thực phẩm phục vụ nhu cầu tại chỗ, nhu cầu nội địa cao cấp cho các thành phố lớn, các khu kinh tế, khu công nghiệp và xuất khẩu. Tận dụng tối đa các phụ phẩm, phế liệu làm thêm các sản phẩm mới nhằm tăng giá trị sản xuất kinh doanh như: chế biến thức ăn gia súc, phân bón các loại,...

- Nhà máy đường Sông Con: đảm bảo hoạt động với công suất thiết kế 5.000 tấn/ngày; đến năm 2020, sản lượng đường đạt 75.000 tấn.

- Nhà máy phân vi sinh: nâng công suất lên 16.000 tấn vào năm 2020.

- Xây dựng nhà máy thức ăn gia súc tại cụm công nghiệp Nghĩa Dũng với công suất 30.000 tấn/năm vào năm 2020.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm (bò, lợn, gà...).

- Tạo vùng nguyên liệu chế biến gỗ ổn định ở các xã để kêu gọi đầu tư nhà máy chế biến gỗ không dùng hóa chất và sản xuất mộc dân dụng cao cấp, mộc xuất khẩu.

** Công nghiệp Điện, Nước:*

- Phát triển nguồn điện để đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng "Quy hoạch điện lực Tân Kỳ giai đoạn 2011- 2015 có tính đến năm 2020":

+ Xây dựng mới, nâng cấp và bổ sung các TBA, đường dây 35KV và 10KV để mạng lưới điện nông thôn ổn định, giảm tổn thất tới mức thấp nhất.

+ Phát triển mạng lưới cấp điện tại gia, đáp ứng nhu cầu cho các cụm công nghiệp, làng nghề, các cơ sở sản xuất và nhu cầu sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân.

- Đến năm 2020 phấn đấu để 100% dân số được dùng nước sạch hợp vệ sinh, trong đó có 30% dân số được dùng nước máy.

+ Nâng công suất của nhà máy nước Tân Kỳ lên lên 5.000 m³/ngđ vào năm 2020, nhà máy nước Nghĩa Đồng lên 1.500 m³/ngđ vào năm 2020.

+ Ngoài ra còn đầu tư một số trạm cấp nước nhỏ khác (công suất từ 150 - 200 m³/ngđ) để phục vụ các điểm dân cư của các xã khác còn lại theo "Chương trình xây dựng nông thôn mới".

** Công nghiệp Khai thác chế biến khoáng sản:*

- Đẩy mạnh khai thác gắn liền với chế biến khoáng sản trên cơ sở có thăm dò trữ lượng các mỏ, nâng cao hệ số thu hồi trong khai thác và chế biến khoáng sản. Khai thác phải gắn liền với đảm bảo các yếu tố về môi trường, các yếu tố kinh tế - xã hội của cả vùng dân cư.

- Khai thác nguồn nguyên liệu đá vôi (Lèn Rỏi), đá granit (Đồng Văn), sét và than bùn (Nghĩa Hoàn, Nghĩa Dũng), các mỏ đá Trắng (Tân Hợp, Tân Xuân, Giai Xuân), đá Marble (Nghĩa Hoàn, Đồng Văn, Tiên Kỳ).

- Đầu tư nhà máy gạch ốp lát có công nghệ tiên tiến để khai thác đá Granit tự nhiên tại xã Đồng Văn với công suất 1 triệu m²/năm, tạo sản phẩm vật liệu ốp lát cao cấp, thay thế, xoá bỏ các cơ sở sản xuất đá ốp lát nhỏ lẻ hiện nay.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất sản phẩm đá trắng, đá marble tại các cụm công nghiệp Nghĩa Dũng, Đồng Văn, Giai Xuân. Giai đoạn 2016 - 2020 xây dựng thêm một số nhà máy chế biến đá trắng xuất khẩu, đá marble, đến năm 2020 đạt sản lượng trên 0,5 - 0,6 triệu tấn/năm.

- Đồng thời quảng bá và tiếp tục mời gọi các nhà đầu tư triển khai một số dự án, như: nhà máy xi măng, sản xuất đá Granit, nhà máy may...

** Phát triển Khu, cụm công nghiệp và làng nghề.*

- Khu công nghiệp:

+ Phát triển KCN mía đường Sông Con với các sản phẩm công nghiệp chủ yếu là đường kính, phân hữu cơ và cồn...

+ Xúc tiến đầu tư xây dựng KCN tập trung 600ha tại các xã Nghĩa Thái, Tân Phú (theo quy hoạch khu công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt). Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư tại khu công nghiệp nhất là giai đoạn từ năm 2016 - 2020 và tiếp sau đó.

- Cụm công nghiệp:

+ Tiếp tục đầu tư xây dựng nhằm hoàn chỉnh hạ tầng và thu hút các doanh nghiệp đầu tư lấp đầy diện tích các cụm công nghiệp mới hình thành tại xã Nghĩa Dũng với diện tích 15 ha, xã Đồng Văn với diện tích 20 ha và xã Nghĩa Hoàn với diện tích 5ha.

+ Giai đoạn 2016-2020 triển khai xây dựng các cụm công nghiệp tại xã Giai Xuân 20 ha. Với các ngành chủ yếu là khai thác chế biến khoáng sản (đá xây dựng, đá trắng, đá marble..), chế biến nông lâm sản (chế biến mủ cao su, gỗ mỹ nghệ)

+ Thu hút đầu tư các dự án sản xuất gỗ ván công nghiệp và các cụm công nghiệp trên địa bàn. Các Cụm công nghiệp này đi vào hoạt động sẽ giải quyết việc làm một phần đáng kể cho người lao động ở vùng nông thôn và đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của toàn huyện.

- Phát triển làng nghề:

+ Phát triển mạnh 2 làng nghề đã được tỉnh công nhận về quy mô lẫn chất lượng sản phẩm, đó là làng nghề Dệt thổ cẩm Thái Minh xã Tiên Kỳ và làng nghề Sản xuất gạch ngói của xã Nghĩa Hoàn.

+ Phát huy các làng có nghề truyền thống ở các xã; tập trung, củng cố, tổ chức lại các làng nghề như: Làng nghề mây tre đan ở các xã Phú Sơn, Nghĩa Hoàn, Đồng Văn, Nghĩa Thái; Làng nghề dệt thổ cẩm ở các xã Nghĩa Hoàn, Nghĩa Thái, Tiên Kỳ, Phú Sơn; Làng nghề dâu tằm tơ ở các xã Nghĩa Đông, Nghĩa Hợp.

+ Hình thành thêm một số làng để sản xuất bún, bánh, đồ mộc mỹ nghệ...

Đến năm 2020 xây dựng khoảng 9 làng có nghề TTCN, trong đó 2 làng nghề được tỉnh công nhận.

** Xây dựng:*

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 theo Luật đầu tư công. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch. Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, ưu tiên cho các chương trình, dự án trọng tâm đã được Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh thông qua, cụ thể:

- Về Giao thông: Chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải huyện Tân Kỳ đến 2020. Đặc biệt ưu tiên các dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến nội thị, các tuyến đường giao thông vào trung tâm các xã Tiên Kỳ, Tân Hợp, đường 15B Lạt - Nghĩa Hợp. Đồng thời, vận động mọi nguồn vốn để khởi công một số tuyến đường liên xã, như: Đường Hương, Phú, Hành, đường Nghĩa Hoàn đi Nghĩa Thái, đường Tân An - Nghĩa Phúc. Huy động, lồng ghép các nguồn vốn và hỗ trợ xi măng để xây dựng giao thông nông thôn, phấn đấu đến 2020 có 75% đường liên thôn, 90% hệ thống giao thông nội đồng theo chuẩn "Nông thôn mới"

Về thủy lợi: Tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu có hiệu quả nhằm tăng năng suất cây trồng, phòng chống bão lụt. Trước mắt, tập trung ưu tiên nguồn vốn cho các công trình đang thi công dở dang, như: Đập Trần xã Nghĩa Bình, Hồ chứa nước Khe Lá, Đồng Lợi, Trung Lương, Thung Mét,...tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, đưa diện tích được tưới ổn định lên 7.311 ha, tăng 964ha so với 2015 (4.498ha lúa, 2.813 ha màu và CCN ngắn ngày).

- Về cấp điện: Hoàn chỉnh hệ thống điện mạch vòng nối từ Nghĩa Đàn đi Tân Kỳ, đồng thời xây dựng trạm biến áp 110Kv. Tiến hành sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường dây và trạm biến áp đã xuống cấp.

- Về hạ tầng đô thị và cấp thoát nước: Phát triển hạ tầng đô thị theo quy hoạch được phê duyệt. Trong đó, ưu tiên mở rộng tuyến đường từ ngã tư Bách hóa đi vòng xuyên. Hoàn thành dự án "Tượng đài hậu phương hướng về tiền tuyến", điện chiếu sáng trên địa bàn thị trấn. Sớm di dời bến xe ra khỏi trung tâm thị trấn, đồng

thời kêu gọi đầu tư xây dựng bến xe và trạm dừng nghỉ trên đường Hồ Chí Minh, xây dựng hạ tầng đô thị tại các xã Kỳ Sơn và Kỳ Tân.

Đầu tư đảm bảo nguồn cung cấp nước ổn định, thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường cho đô thị. Nâng cấp nhà máy nước Thị trấn Tân Kỳ và đầu nối cấp nước sinh hoạt cho các xã Kỳ Tân, Kỳ Sơn; Xây dựng mới cấp nước sinh hoạt cho các xã dọc Sông Con.

- Xây dựng cơ bản khác: Huy động mọi nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình đang dở dang, như: trụ sở làm việc UBND các xã, trạm y tế, nhà văn hóa,.. ưu tiên cho các xã nằm trong lộ trình xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình kiên cố hoá trường, lớp học, phấn đấu đến 2020, tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá là 95%.

3. Phát triển ngành Dịch vụ

a) Phương hướng phát triển:

Phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy các giá trị đạo đức, truyền thống văn hoá, kết hợp hài hoà giữa lợi ích kinh tế với ổn định chính trị, xã hội và quốc phòng an ninh.

b) Mục tiêu phát triển:

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12-13%/năm với tổng giá trị tăng thêm (giá 2010) năm 2020 là 1.220 tỷ đồng. Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế của ngành chiếm khoảng 37-38% trong cơ cấu nền kinh tế của huyện.

c) Nhiệm vụ và giải pháp:

*** Về thương mại:**

- Phấn đấu tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội đạt khoảng 2.965 tỷ đồng vào năm 2020.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia cung ứng dịch vụ thương mại. Phát triển nhanh thị trường nội địa ở cả ba khu vực (đô thị, nông thôn, miền núi) đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của nhà sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân; gắn sản xuất - lưu thông - tiêu dùng, đảm bảo nguồn hàng, ổn định thị trường.

- Kêu gọi đầu tư và huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng chợ và trung tâm thương mại thị trấn, phấn đấu đến năm 2020, 100% xã, thị trấn trên địa bàn đều có chợ đảm bảo theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện tốt quy hoạch phát triển dịch vụ hai bên đường Hồ Chí Minh đoạn qua Thị trấn Tân Kỳ và các trung tâm xã.

*** Du lịch:**

- Khai thác tối đa tiềm năng du lịch của huyện để phát triển ngành du lịch huyện lên một bộ mặt mới, góp phần phát triển nền kinh tế và tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

- Xây dựng hoàn thiện khu công viên thị trấn với tượng đài "*Hậu phương hướng về tiền tuyến*". Khu công viên nhằm để tưởng nhớ những năm tháng hào hùng của quân và dân ta trên con đường huyền thoại này, là điểm đến của các du khách trong và ngoài nước trên con đường Trường Sơn huyền thoại và cũng là nơi phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho nhân dân, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, đặc biệt là công nhân ở các nhà máy, khu công nghiệp trong tương lai.

- Kêu gọi đầu tư, hình thành các điểm du lịch như: Du lịch hang động sinh thái ở Thung Khiển xã Tân Hợp, Cây Sanh ngàn tuổi ở xã Giai Xuân, Làng nghề du lịch cộng đồng Thái Minh xã Tiên Kỳ...

- Đầu tư xây dựng, khai thác các di tích lịch sử văn hóa như di tích Bãi Mã, Bãi Voi thời Vua Lê Lợi lập cứ chiêu quân đánh giặc...

- Tập trung xây dựng cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ như: khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng...

** Vận tải kho bãi:*

- Với dự báo tăng trưởng kinh tế ở giai đoạn từ 2015- 2020 cao hơn giai đoạn hiện tại và những bước đột phá trong phát triển một số ngành, lĩnh vực (sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm thủy sản) của huyện trong thời kỳ quy hoạch, ngành dịch vụ vận tải, kho bãi có cơ hội để phát triển.

- Phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất, vận tải hàng hóa và vận tải hành khách ngành càng tăng. Hình thành các doanh nghiệp vận tải quy mô nhỏ và vừa.

** Bưu chính viễn thông:*

- Phát triển mạnh dịch vụ bưu chính viễn thông; Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đến tất cả các cơ quan đơn vị, các cấp, đảm bảo hiện đại, đồng bộ, đáp ứng đủ mọi yêu cầu đời sống kinh tế xã hội.

- Điều chỉnh chỉ tiêu phát triển mạng bưu điện một cách hợp lý, tiếp tục mở rộng các đại lý bưu điện đa dịch vụ để rút ngắn bán kính phục vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, phát triển các dịch vụ mới. Đến năm 2020 số thuê bao điện thoại bình quân 100 dân là 107 thuê bao, số thuê bao sử dụng internet là 10.000 thuê bao, tỷ lệ hộ dân được xem truyền hình và nghe đài phát thanh là 100%.

** Tài chính ngân hàng:*

- Tài chính - ngân hàng là dịch vụ nền tảng và là dịch vụ đầu vào cho các ngành khác trong nền kinh tế, hướng phát triển trong thời gian tới là tạo điều kiện và đảm bảo cho các tổ chức tín dụng hoạt động, kinh doanh theo nguyên tắc thị trường. Phát triển và đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán với chất lượng cao và mạng lưới phân phối phát triển hợp lý nhằm cung ứng đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các dịch vụ, tiện ích ngân hàng cho nền kinh tế của huyện.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, phấn đấu mức tăng huy động và dư nợ bình quân 10-15%/năm. Ưu tiên nguồn vốn tín dụng để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành phi nông nghiệp.

** Các dịch vụ khác:*

Mở rộng các loại dịch vụ bảo hiểm trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống, bảo hiểm vận tải, bảo hiểm tiền gửi/tiền vay, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm y tế tự nguyện. Có cơ chế ưu đãi để khuyến khích phát triển bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Phát triển các loại hình dịch vụ tư vấn y tế, giáo dục, thể thao, vui chơi giải trí, dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ và các dịch vụ khác phục vụ nhu cầu cá nhân và cộng đồng phù hợp với cơ chế thị trường và pháp luật quy định.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Dân số, lao động và việc làm:

- Ổn định mức tăng dân số bình quân khoảng 0,8-1%/năm trong kỳ quy hoạch. Đẩy mạnh công tác KHHGD, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, đến năm 2020 quy mô dân số toàn huyện đạt khoảng 138.800 người. Trong đó lực lượng lao động khoảng 72.200 người, chiếm 50,02% dân số.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương V (khoá XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/TTg, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 50-55% (đào tạo nghề từ 45-50%), hàng năm giải quyết việc làm cho người lao động khoảng 1.500 người.

- Thực hiện tốt công tác giảm nghèo, phấn đấu giai đoạn 2016-2020 giảm tỷ lệ hộ nghèo khoảng 1,5-2%/năm; Thực hiện tốt các chế độ ưu đãi cho người có công với cách mạng, đẩy mạnh phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, các chính sách xã hội.

b) Giáo dục, đào tạo:

- Không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và giáo viên. Thực hiện Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Huy động tối đa học sinh trong độ tuổi đến trường, nâng cao chất lượng dạy và học, phấn đấu đến năm 2020, có 50 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 71%, giáo viên trên chuẩn đạt 90%, tỷ lệ huy động cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ đạt 36,2%; tỷ lệ huy động cháu trong độ tuổi vào mẫu giáo đạt 95%, trong đó cháu 5 tuổi đạt 100%.

- Đến năm 2020 có 100% trường học các cấp học, bậc học đảm bảo cơ sở vật chất trường, lớp học và công trình phục vụ giảng dạy học tập kiên cố, đạt chuẩn quy định. Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 3, đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đạt vững chắc.

Tỷ lệ học sinh tham gia phân luồng hướng nghiệp: Học sinh sau khi tốt nghiệp THCS tham gia đi học nghề, học trung cấp nghề, học trung học chuyên nghiệp khoảng 30%.

- Tập trung nguồn lực, lồng ghép các chương trình để xây dựng cơ sở vật chất và các phòng học chứng năng đúng quy định của Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Tân Hợp, đảm bảo cho trường chuyên biệt này đi vào hoạt động ổn định, đảm bảo quyền lợi học tập cho các em học sinh. Bên cạnh đó, quan tâm hỗ trợ củng cố cơ sở vật chất ký túc xá của trường THPT Lê Lợi, tạo điều kiện cho các em đồng bào ở vùng sâu, vùng xa ở bán trú đảm bảo giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, tạo điều kiện để nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tổ chức rà soát thường xuyên, để củng cố, duy trì bền vững chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Tiếp tục phát triển, củng cố để đạt chuẩn bền vững các trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học. Quan tâm xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp mầm non, tiểu học, THCS và 2 trường THPT Tân Kỳ 3 và THPT Lê Lợi. Riêng cấp Mầm non, Tiểu học các trường đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 quan tâm xây dựng đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Quan tâm việc tổ chức thực hiện công tác đánh giá, kiểm định chất lượng ở các cơ sở giáo dục, nhất là công tác đánh giá ngoài. Đây là giải pháp tổng hợp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tổ chức thực hiện đề án thành lập Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên cơ sở sát nhập Trung tâm giáo dục thường xuyên và Trung tâm dạy nghề huyện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT ngày 09/10/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ.

- Tập trung thực hiện Chương trình hành động số 33-CT/TU ngày 18/9/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện GDĐT. Trong đó tập trung các giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL các cấp học, ngành học.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng. Coi trọng công tác hướng nghiệp, dạy nghề. Đa dạng hóa lực lượng xã hội tham gia đào tạo nghề. Xây dựng trường THCS Nghĩa Đồng đủ tiêu chuẩn phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới.

c) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Tập trung đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng y tế cơ sở, từng bước hiện đại, hoàn chỉnh đồng bộ từ huyện tới xã, đảm bảo đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe của người dân. Tăng cường công tác thông tin, giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, có chính

sách khuyến khích, thu hút đội ngũ cán bộ y tế về phục vụ tuyến xã.

Khuyến khích phát triển mạng lưới y tế tư nhân: bệnh viện tư nhân, phòng khám chuyên khoa, nhà thuốc tư nhân trên địa bàn Huyện nhằm đa dạng hóa hệ thống khám chữa bệnh và nâng cao chất lượng, tạo điều kiện cho mọi người dân được hưởng các dịch vụ y tế cơ bản và các dịch vụ chất lượng cao.

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân; Tạo điều kiện cho mọi người dân được hưởng các dịch vụ y tế cơ bản và các dịch vụ chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2020, 100% xã, thị trấn có bác sỹ và xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; có 5 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 12%; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế >85%.

d) Văn hoá, thông tin, thể dục thể thao:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương IX (khoá XI) về văn hoá; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các thôn, xóm, bản; Thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, đặc biệt là thực hiện nghiêm túc trong việc cưới, tang, lễ hội, các hương ước, quy ước tại cộng đồng dân cư; Xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn và phát huy những đạo đức tốt đẹp, giá trị văn hoá của dân tộc, từng bước làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội.

- Quản lý tốt các dịch vụ văn hoá thông tin truyền thông trên địa bàn; củng cố và nâng cấp mạng lưới truyền thanh cơ sở, thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền.

- Phấn đấu đến 2020, tỷ lệ gia đình văn hoá là 80%, làng, bản văn hoá là 67%, 100% hộ gia đình được xem truyền hình, tỷ lệ thuê bao điện thoại là 107máy/100 dân.

e) Khoa học và công nghệ:

- Ưu tiên chuyển giao và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông, lâm, thủy sản với các tiến bộ giống cây trồng vật nuôi, năng suất cao, phẩm chất tốt, ưu tiên ứng dụng các công nghệ sạch, công nghệ không ảnh hưởng đến môi trường.

Áp dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới, có năng suất, chất lượng tốt, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông, lâm, thủy sản với các tiến bộ giống cây trồng vật nuôi, năng suất cao, phẩm chất tốt, ưu tiên ứng dụng các công nghệ sạch, công nghệ không ảnh hưởng đến môi trường, ví dụ như: canh tác theo quy trình VietGAP, trồng cây trong nhà lưới, tưới nước nhỏ giọt, tắm đệm lót trong chăn nuôi...

- Tổ chức xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm truyền thống của huyện (ngói, cát sỏi, thịt dê,..) để tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý KHCN theo hướng xã hội hóa, vận hành theo cơ chế thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn đầu tư trang thiết bị để tăng chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

g) Bảo vệ môi trường và phòng chống giảm nhẹ thiên tai:

- Đối với các dự án phát triển công nghiệp, TTCN cần giải trình phương án cụ thể về công nghệ và quy trình xử lý chất thải đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường. Thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình việc đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các cơ sở sản xuất ngay từ khâu lập dự án.

- Đối với các trang trại, cơ sở chăn nuôi phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định, quy mô tổng đàn phải phù hợp với quy mô chuồng trại và hệ thống xử lý chất thải đã được phê duyệt.

- Tăng cường thanh tra, giám sát các nguồn thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp, du lịch trên địa bàn. Đẩy mạnh giáo dục cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa công tác thu gom xử lý chất thải rắn, đảm bảo 80-85% chất thải rắn được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

- Nâng cấp, mở rộng khu xử lý rác thải tập trung tại xã Tân Long. Xây các nghĩa trang nhân dân ở các xã, thị trấn đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan theo quy hoạch thị trấn và quy hoạch xây dựng NTM.

- Thông tin, tuyên truyền kịp thời đến người dân về các thiên tai (gió bão, lũ lụt, hạn hán, mưa rét...) và dịch bệnh để chuẩn bị phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

5. Quốc phòng an ninh:

- Xây dựng khu vực phòng thủ cấp huyện vững chắc theo đề án được duyệt và theo đúng quy định hướng dẫn của tỉnh Nghệ An và Quân Khu IV. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phòng chống có hiệu quả chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới theo Chỉ thị 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị. Nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chiến tranh tâm lý, tự diễn biến, phá hoại nội bộ của các thế lực thù địch, của bọn phản động. Phòng ngừa và đấu tranh không để hình thành tổ chức chính trị đối lập;

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải huyện Tân Kỳ đến 2020. Đặc biệt ưu tiên các dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến nội thị, các tuyến đường giao thông vào trung tâm các xã Tiên Kỳ, Tân Hợp, đường 15B Lạc - Nghĩa Hợp.

- Vận động mọi nguồn vốn để khởi công một số tuyến đường liên xã, như: Đường Hương Phú Hành, đường Nghĩa Hoàn đi Nghĩa Thái, đường Tân An Nghĩa Phúc. Huy động, lồng ghép các nguồn vốn và hỗ trợ xi măng để xây dựng giao thông nông thôn, phấn đấu đến 2020 có 75% đường liên thôn, 90% hệ thống giao thông nội đồng theo chuẩn "Nông thôn mới"

*** Đường bộ:**

- Quốc lộ: Tuyến đường Hồ Chí Minh dài 38,5km. Quốc lộ 48E (từ ngã tư Tân Đồng đến vòng xuyên) dài 22Km; Quốc lộ 48D (từ xã Nghĩa Đồng giáp huyện Nghĩa Đàn đến xã Tân Xuân giáp huyện Quỳnh Hợp) dài 12Km; Quốc lộ 15A (từ Bến xe đi xã Giang Sơn, Đô Lương) dài 2,5Km

- Đường tỉnh: Tỉnh lộ 545, dài 8km, Tỉnh lộ 534B dài 25 km.

- Đường huyện: Gồm 12 tuyến đường, với tổng chiều dài 215,5km.

- Đường xã: Gồm 162 tuyến, tổng chiều dài 379,79km trong đó:

+ Về cấp kỹ thuật: Quy hoạch nâng cấp và cải tạo các tuyến đường xã tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường giao thông cấp VI.

+ Về kết cấu mặt đường: Phấn đấu đến năm 200 tối thiểu 80% đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa.

- Đường thôn xóm: Tổng chiều dài 979km, trong đó:

+ Về cấp kỹ thuật: Quy hoạch nâng cấp và cải tạo các tuyến đường thôn xóm đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A.

+ Về kết cấu mặt đường: Phấn đấu đến năm 2020 tối thiểu 70% đường thôn xóm được cứng hóa.

- Đường chuyên dùng: Gồm 3 tuyến đường, tổng chiều dài 34km.

- Cầu: Gồm 5 cầu treo: Cầu Nghĩa Thái, Tân Lâm, Phú Sơn, Khe Lò (Tiên Kỳ), Khe Chiềng (Đồng Văn) và 6 cầu BTCT: Cầu Khe Thản (Tiên Kỳ), Khe Lò (Tiên Kỳ), Nghĩa Dũng, Kỳ Tân, Tân Xuân, Tân Hợp.

*** Bến xe, trạm dừng đỗ:**

- Quy hoạch 05 bến (1 bến loại 3, 1 bến loại 5 và 3 bến loại 6) với tổng diện tích đất sử dụng đất là 11.5000 m². Gồm Bến xe Thị trấn Tân Kỳ, bến xe loại 3, rộng 5.000 m²; bến xe Tiên Kỳ, bến xe loại 5, rộng 2.000 m²; bến xe Nghĩa Hành,

bến xe loại 6, rộng 1.000m²; bến xe Nghĩa Dũng, bến xe loại 6, rộng 1.000m²; bến xe Tân An, bến xe loại 6, rộng 1.500m²;

- Trạm dừng nghỉ trên tuyến đường Hồ Chí Minh, theo quyết định số 1594/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ GTVT về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh.

** Đường thủy:*

Tân Kỳ có tuyến đường thủy sông Con chảy qua 16 xã, với chiều dài khoảng 65km, dọc tuyến còn 3 bến đò chở khách ngang sông và hơn 18 bến khai thác cát sỏi. Từ nay đến năm 2020 cần thông luồng để các phương tiện vận tải sông đi lại thuận lợi, bề rộng lòng sông bình quân 150m vào mùa cạn và trên 300m vào mùa mưa, chiều sâu trung bình 5m.

- Lập và thực hiện dự án cải tạo nâng cấp tuyến Sông Con.

- Nạo vét, mở rộng luồng và thanh thải bãi cạn trên các sông đang khai thác.

- Đầu tư cải tạo để đủ điều kiện đưa thêm một số tuyến sông địa phương vào quản lý khai thác.

- Xây dựng quy chế và tổ chức quản lý các bến xếp dỡ, khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng khai thác các bến có sản lượng cao

** Đường sắt:*

Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt từ Tân Kỳ xuống ga Diễn Châu, điểm đầu từ xã Tân Long, điểm cuối giáp xã Giang Sơn Đông (Đô Lương). Tổng chiều dài 14km.

b) Hệ thống thủy lợi:

Tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu có hiệu quả nhằm tăng năng suất cây trồng, phòng chống bão lụt. Trước mắt, tập trung ưu tiên nguồn vốn cho các công trình đang thi công dở dang, như: Đập Trần xã Nghĩa Bình, Hồ chứa nước Khe Lá, Đồng Lợi, Trung lương, Thung Mét,...tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, đưa diện tích được tưới ổn định lên 7.311ha, tăng 964ha so với 2015

** Các công trình xây dựng mới:*

- Tiếp tục hoàn thành các công trình đang dở dang như: Hồ Khe Lá, Hồ Khe Ngang

- Các công trình trạm bơm (8 trạm): Trạm bơm Tân Diện - Đồng Văn (40 ha), trạm bơm Kè Ôn- Kỳ Thịnh - Kỳ Tân (30 ha), trạm bơm Hùng Cường - Kỳ Sơn (90 ha), trạm bơm Vực Lò - Nghĩa Hợp (100ha), trạm bơm Diễn Nam - Kỳ Tân (106 ha), trạm bơm Bến trường - Nghĩa Hành (80 ha), trạm bơm Đồng Hương - Tân Hương (60 ha), trạm bơm Hòn Rò - Nghĩa Bình (60ha).

- Các công trình hồ, đập, tràn (4 hồ đập, 2 tràn): hồ Văn Sơn - Đồng Văn (70ha), hồ Khe Trù - Hương Sơn (40ha), hồ Đồng Mỹ - Đồng Văn (30ha), tràn

Yên Hoà - Tân Hợp (30ha), tràn Khe Sòng - Tân Hợp (30ha).

** Các công trình cải tạo, nâng cấp:*

- Tiếp tục hoàn thành các dự án đang xây dựng dở dang như: Kè chống sạt lở ở Sông Con đoạn Cầu Rỏi; Hồ Thung Mét xã Tiên Kỳ; Hồ Trần xã Nghĩa Bình; Hồ Đồng Lợi xã Tân Phú; Hồ Trung Lương xã Tân Xuân.

- Các công trình trạm bơm (5 trạm): trạm bơm Lèn Rỏi - Kỳ Tân (200ha), trạm bơm Tân Tiến - Nghĩa Dũng (150 ha), trạm bơm Quý Hậu - Kỳ Tân (150 ha), trạm bơm Làng Rào - Tân Hương (150ha), trạm bơm Dương Hạp - Nghĩa Dũng (100ha).

- Các công trình hồ, đập, tràn (6 hồ đập, 3 tràn): hồ Bầu Lén - Tân Long (10ha), hồ Đức Thịnh - Tân Phú (40ha), hồ Tập Mã, Kèo - Nghĩa Phúc (40ha), hồ Bản Trù xã Nghĩa Hành, hồ Khe Dứa - Nghĩa Phúc (40ha), hồ Xuân Dinh - Tân Hương (30ha), hồ Xuân Dương, tràn Khe Hào - Tân Xuân (40ha), tràn Khe Lồi - Giai Xuân (30ha), tràn Kè Chiêng - Đồng Văn (50ha).

c) Hệ thống điện:

- Xây dựng mới, nâng cấp và bổ sung các TBA, hệ thống đường dây để mạng lưới điện nông thôn ổn định, giảm giá điện tới mức thấp nhất; Hoàn chỉnh lưới điện nông thôn và được mua điện trực tiếp của ngành điện cho các xã còn lại.

- Phát triển mạng lưới cấp điện tại gia, đáp ứng nhu cầu cho các KCN, làng nghề, các cơ sở sản xuất và nhu cầu sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân.

- Đầu tư xây dựng lưới điện cấp cho những vùng có khu công nghiệp và một số thị tứ, khu dân cư mới hình thành.

- Đến năm 2020 tổng công suất điện toàn huyện khoảng $P_{max} = 22,8\text{MW}$, điện thương phẩm khoảng 396 triệu kWh, bình quân đầu người đạt 2.489kWh/người/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân 5%/năm.

- Về lưới điện trung áp: Xây dựng mới hệ thống đường dây (khoảng 71 km), trong đó đường dây 35kV là 64,05km, đường dây 10kV theo tiêu chuẩn 35kV là 6,9 km; đồng thời cải tạo nâng cấp khoảng 81,8 km đường dây 10kV lên 35kV. Xây dựng mới 106 trạm biến áp phân phối với tổng công suất đạt 23.900KVA; Cải tạo chuyển đổi điện áp vận hành lên 35kV khoảng 85 trạm, với tổng công suất 18.425 KVA.

- Về lưới điện hạ áp: Xây dựng mới khoảng 250 km và cải tạo khoảng 38 km đường dây hạ áp theo tiêu chuẩn 220/380V ba pha 4 dây, trung tính nối đất trực tiếp, tiết diện dây dẫn từ $>50\text{mm}^2$ trở lên

- Xây dựng một trạm 110KV Tân Kỳ công suất 40MVA điện áp 110/35/10(22)KV. Nguồn cung cấp cho trạm trung gian này sẽ lấy từ Trung gian Đô Lương.

d) Hệ thống cấp, thoát nước:

*** Cấp nước:**

Đầu tư đảm bảo nguồn cung cấp nước ổn định, thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường cho đô thị. Nâng cấp nhà máy nước Thị trấn Tân Kỳ và đầu nối cấp nước sinh hoạt cho các xã Kỳ Tân, Kỳ Sơn; Xây dựng mới cấp nước sinh hoạt cho các xã dọc Sông Con.

- Các công trình xây dựng nâng cấp:

Nâng công suất của nhà máy nước Kỳ Tân lên 5.000 m³/ngày vào năm 2020, nhà máy nước Nghĩa Đồng lên 1.500 m³/ngày vào năm 2020.

- Các công trình xây dựng mới:

Điều chỉnh thời gian xây dựng mới các nhà máy nước: Nghĩa Hoàn đạt 10.000 m³/ngày vào năm 2020; nhà máy nước Tân An đạt 3.500 m³/ngày vào năm 2020; nhà máy nước Tân Phú đạt 3.500 m³/ngày vào năm 2020; nhà máy nước Nghĩa Bình đạt 1.500 m³/ngày vào năm 2020; nhà máy nước Đồng Văn đạt 1.000 m³/ngày vào năm 2020; nhà máy nước Nghĩa Hành đạt công suất 800 m³/ngày vào năm 2020.

Ngoài ra tiếp tục đầu tư phát triển một số trạm cấp nước nhỏ khác (công suất từ 150 - 200 m³/ngày) để phục vụ các điểm dân cư khác như các trạm cấp nước Nghĩa Thái, Giai Xuân, Tân Xuân,... theo “Chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới”

*** Thoát nước:**

- Đối với khu đô thị và các khu, cụm công nghiệp phải có hệ thống cống nước thải chảy đến trạm xử lý nước thải. Đối với các khu vực nhà nghỉ, khu du lịch xây dựng cống thoát nước thải riêng, sau đó bơm chuyển tiếp đến trạm làm sạch nước thải.

- Đối với khu vực nông thôn, cứng hóa và thay thế mương hồ bằng cống có nắp đan.

e) Hệ thống thông tin, liên lạc:

- Hoàn thiện hệ thống bưu cục tuyến huyện và bưu điện tuyến xã.

- Xây dựng hệ thống các trạm thu phát sóng điện thoại di động, phát triển dịch vụ bưu chính viễn thông để nhân dân tiếp cận nhanh với thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin vào cuộc sống, phát triển thuê bao điện thoại cố định và di động.

- Phát triển mạng thông tin liên lạc hiện đại và đồng bộ, đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; phát triển mạng lưới Internet, truyền hình cáp ..

- Phân đầu đến năm 2020, cơ bản hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, truyền thông.

- Xây dựng cơ sở tiếp phát sóng đài phát thanh truyền hình miền Tây Nghệ

An tại thị trấn Tân Kỳ.

7. Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

a) Phân vùng kinh tế:

Từ đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, huyện Tân Kỳ được phân làm 4 vùng kinh tế như sau:

- Vùng Tây Bắc gồm 4 xã: Tiên Kỳ, Đồng Văn, Tân Hợp, Giai Xuân. Đây là vùng núi, có diện tích đất tự nhiên rộng, nhưng chủ yếu là đất đồi núi cao, nhưng diện tích đất sản xuất trồng trọt nhiều, kể cả trồng cây sản xuất Nông nghiệp và Lâm nghiệp. Vùng này tổ chức dân cư nông nghiệp theo xu hướng tập trung cụm nhỏ theo quy mô đất canh tác. Phân tán theo trang trại, vườn rừng.

- Vùng Tây Nam gồm 6 xã: Phú Sơn Nghĩa Hành, Hương Sơn, Tân An, Nghĩa Phúc và Tân Hương. Đây là vùng núi, có diện tích đất tự nhiên tương đối rộng, diện tích đất sản xuất trồng trọt khá nhiều so với các vùng khác. Cần phát triển theo mô hình kết hợp Nông - Lâm - Thủy sản. Vùng này tổ chức dân cư nông thôn theo xu hướng tập trung bám theo thị tứ, trung tâm xã.

- Vùng Đông Bắc gồm 9 xã: Tân Xuân, Tân Phú, Nghĩa Đồng, Nghĩa Bình, Nghĩa Thái, Nghĩa Hoàn, Nghĩa Hợp, Tân Long và Nghĩa Dũng. Đây là vùng có nhiều xã nhất, có diện tích đất tự nhiên cũng như diện tích đất sản xuất trồng lúa và ngô nhiều so với các vùng khác. Đây là vùng nhiều xã có địa hình tương đối bằng phẳng, chạy dọc theo hai bên Sông Con và đường Hồ Chí Minh. Phát triển kinh tế toàn diện theo mô hình chung là kết hợp phát triển Nông - Lâm - Thủy sản, phát triển công nghiệp tập trung (đã có Quy hoạch khu công nghiệp Tân Kỳ 600ha). Vùng này tổ chức dân cư nông thôn theo dạng tập trung thành làng lớn.

- Vùng Trung tâm, gồm có các xã: Kỳ Sơn, Kỳ Tân và thị trấn Tân Kỳ. Đây là vùng có diện tích đất tự nhiên cũng như diện tích đất sản xuất trồng lúa và ngô ít nhất so với các vùng khác. Là vùng núi thấp có một số vùng đất bằng phẳng chạy dọc theo hai bên Sông Con các xã nằm dọc theo hai bên đường Hồ Chí Minh. Vùng này tổ chức dân cư nông thôn theo xu hướng tập trung.

b) Phát triển hệ thống đô thị:

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, mở rộng và nâng cấp thị trấn Tân Kỳ là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, dịch vụ thương mại của huyện. Quy mô dân số thị trấn đến năm 2020 là khoảng 1,3-1,4 vạn người, đạt tỷ lệ đô thị hóa từ 10-12%.

- Triển khai xây dựng 4 thị tứ đã được phê duyệt quy hoạch là Thị tứ Cầu Trôi, xã Kỳ Sơn; Thị tứ Nghĩa Đồng xã Nghĩa Đồng; Thị tứ Nghĩa Bình xã Nghĩa Bình và Thị tứ Giai Xuân, xã Giai Xuân.

- Tiếp tục triển khai lập quy hoạch các thị tứ Nghĩa Dũng, Nghĩa Hành và Tân An

c) Phát triển nông thôn và xây dựng NTM:

- Từng bước hoàn thành MTQG về xây dựng nông thôn mới Đến năm 2020

toàn huyện phần đầu có 10-12 xã đạt chuẩn NTM. Xây dựng nông thôn đồng bộ, kiểu mới theo tinh thần Nghị quyết TW 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tăng hiệu quả và trình độ khoa học công nghệ.

- Phát triển Công nghiệp và TTCN nông thôn phù hợp với khả năng của từng địa phương và thị trường. Phát huy các làng nghề đã có, hình thành các làng nghề mới.

- Phát triển hệ thống chợ nông thôn, chợ vùng; nghiên cứu tìm kiếm và dự báo thị trường tiêu thụ nông sản cho nông dân và doanh nghiệp. Thành lập các hợp tác xã sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

(Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư và huy động vốn đầu tư

a) Nhu cầu vốn đầu tư:

Để đạt được các mục tiêu theo phương án quy hoạch, giai đoạn 2016-2020 nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội huyện Tân Kỳ cần khoảng 15.000 tỷ đồng.

Vốn đầu tư được huy động chủ yếu từ các nguồn chính: Vốn ngân sách nhà nước, vốn từ doanh nghiệp và dân cư, vốn tín dụng và liên doanh, vốn đầu tư từ nước ngoài (ODA, FDI, NGO...)

b) Cơ cấu vốn và giải pháp huy động:

**** Vốn ngân sách nhà nước:***

- Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, cần bố trí các nguồn vốn đối ứng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách. Tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của huyện.

- Ngoài nguồn thu từ thu thuế và các nguồn thu khác, báo cáo UBND tỉnh cho phép đấu giá quyền sử dụng đất ở những vùng sinh lợi cao (dọc các trục đường chính, khu thương mại...) để có vốn đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các chương trình của Nhà nước như: Chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, nước sạch nông thôn, môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa...

**** Vốn doanh nghiệp, vốn đầu tư nước ngoài và vốn ngoài huyện:***

- Thực hiện cải cách hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi (giá thuê đất và chính sách sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, cung cấp dịch vụ, hạ tầng...) cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá, giới thiệu về các tiềm năng, thế mạnh của huyện nhằm thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi (giá thuê đất, chính sách sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, cung cấp dịch vụ hạ tầng...) cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư.

* *Vốn huy động trong dân*: Huy động vốn nhân rộng trong dân, động viên nhân dân đóng góp ngày công, vật chất tham gia xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng (điện, đường, trường, trạm...) theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

2. Giải pháp nguồn nhân lực

- Trên cơ sở quy hoạch và tiêu chuẩn hóa cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn theo phương châm "đào tạo ngành nghề mà huyện cần".

- Có chính sách hấp dẫn để thu hút các chuyên gia giỏi, lao động trình độ cao, sinh viên là con em Tân Kỳ tốt nghiệp loại giỏi vào những lĩnh vực mà lực lượng tại chỗ còn thiếu, tạo điều kiện cho họ được phát huy tài năng, cống hiến và được hưởng thụ thỏa đáng.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề trên địa bàn Huyện, phối kết hợp với các cơ sở đào tạo bên ngoài để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển. Mở thêm các lớp đào tạo ngắn hạn, kèm cặp tại chỗ, hội thảo báo cáo đầu bờ, truyền đạt kinh nghiệm sản xuất trực tiếp cho người lao động.

- Minh bạch hóa trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, đào tạo lãnh đạo, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể, coi đây là việc làm thường xuyên nhằm hình thành đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức tài năng chuyên nghiệp có tâm và có tầm cho sự phát triển của Huyện.

- Thường xuyên rà soát kiên quyết đưa ra khỏi cơ quan nhà nước đối với những cán bộ, công chức không đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, tham nhũng chia rẽ bè phái, nhũng nhiễu dân.

- Tạo môi trường làm việc thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức có điều kiện chứng minh, khẳng định mình, có hình thức khen thưởng động viên, khích lệ xứng đáng kịp thời.

3. Giải pháp sử dụng đất

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện cho phù hợp với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực sản phẩm chủ lực theo từng giai đoạn.

- Căn cứ và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các phòng ban chức năng tham mưu cho UBND huyện kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chính sách đất đai cho phù hợp, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất.

- Nghiên cứu, đánh giá một cách kỹ lưỡng và tuân thủ các nguyên tắc trong cấp phép khai thác sử dụng từng loại đất, cụ thể:

+ Đối với đất nông nghiệp: Chỉ cấp phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất

đối với đất bỏ hoang, kém hiệu quả, rà soát xác định rõ chỉ tiêu khống chế về diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt, phân bổ, xác định ranh giới, cắm mốc và công khai đến từng xã, giao UBND cấp xã chịu trách nhiệm quản lý.

+ Đất lâm nghiệp: rà soát, xác định rõ diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng công khai đến từng xã, giao UBND cấp xã chịu trách nhiệm quản lý.

+ Đất đô thị: rà soát quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng đất hợp lý, nâng cao hệ số sử dụng, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.

+ Đất quốc phòng an ninh: rà soát quy đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh để đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

+ Đất cơ sở hạ tầng: Cần ưu tiên bố trí đất để đầu tư phát triển hạ tầng đi trước một bước nhằm tạo động lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ. Phân định rõ trách nhiệm và quản lý tốt các loại đất xây dựng, công trình giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông, các cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao... và hành lang an toàn giao thông công trình.

4. Giải pháp cơ chế, chính sách

a) Chính sách thu hút đầu tư:

- Thực hiện các chính sách thông thoáng để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong huyện, trong nước và ngoài nước. Chủ động tham mưu với các cấp, các ngành ở tỉnh và Trung ương để thực hiện các chương trình, đề án trọng điểm có liên quan trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển, thu hút vào các cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, khu du lịch...

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về môi trường và các chính sách hỗ trợ đầu tư, tạo sự đồng thuận cao trong phát triển KT-XH; nâng cao nhận thức và tăng cường hành động của các cấp ủy, chính quyền, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể; xác định vai trò của đội ngũ doanh nhân là động lực để phát triển.

- Xây dựng cơ chế chính sách để huy động các nguồn lực để xây dựng phát triển KT-XH; tập trung phát huy nội lực từ các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, có chính sách, giải pháp cụ thể để thu hút nguồn đầu tư từ bên ngoài, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư; Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển KT-CH như theo mô hình hợp tác công tư (TPP) với nhiều hình thức hay huy động vốn từ xã hội hóa..

- Khuyến khích nhân dân, nhất là con em Tân Kỳ xa quê thành đạt về đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Có cơ chế ưu đãi đầu tư ở một số địa bàn và lĩnh vực sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ tiên tiến.

- Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, nhằm giảm chi phí cho các nhà đầu tư, chủ động bố trí vốn đối ứng làm cơ sở để vận động tài trợ, tranh

thủ các nguồn vốn của các tổ chức quốc tế, NGO và cá nhân người nước ngoài đầu tư cho các chương trình xóa đói giảm nghèo, nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường, y tế, giáo dục và hạ tầng kỹ thuật... Chuẩn bị hạ tầng khu cụm công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi, hấp dẫn thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ.

- Quản lý chặt chẽ chi ngân sách, đảm bảo chi đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; tăng thu, kiên quyết thu hồi nợ đọng. Phân đầu vượt thu để đầu tư vào các dự án trọng điểm, các dự án cấp bách, vùng khó khăn...

- Vận dụng các cơ chế chính sách của trung ương, của tỉnh, rà soát cơ chế chính sách theo yêu cầu phát triển mới, đáp ứng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nhanh, bền vững. Tập trung huy động tổng lực để thực hiện các chương trình trọng điểm, vùng, lĩnh vực đột phá để phát huy hiệu quả, có sức lan tỏa. Quan tâm đầu tư cho các chương trình lớn mang tính cộng đồng như: xây dựng nông thôn mới, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, an sinh xã hội...

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất:

- Tiếp tục hỗ trợ sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ những công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Khuyến khích tích tụ ruộng đất, tập trung xây dựng cánh đồng lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển trang trại, sản xuất quy mô lớn, hàng hóa; Hoàn chỉnh quy hoạch nông nghiệp và ngành nghề dịch vụ nông thôn. Thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn, nhất là sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo VSATTP, thân thiện với môi trường; phát triển làng nghề; khuyến nông; đào tạo nghề; chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Nhân rộng các mô hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp, tuyên truyền, vận động nông dân phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, theo hướng CNH-HĐH.

- Điều chỉnh bổ sung các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư phát triển CN-TTCN phù hợp với tình hình mới; Tạo điều kiện thuận lợi để các loại hình doanh nghiệp phát triển trên cơ sở bình đẳng. Chủ động phối hợp với các ngành, các nhà đầu tư giải quyết các công đoạn thuộc trách nhiệm của địa phương để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thi công các công trình, dự án. Đẩy mạnh hoạt động khuyến công, bố trí kinh phí phù hợp để thúc đẩy CN-TTCN phát triển.

c) Phát triển quan hệ sản xuất:

- Đổi mới và phát triển hợp tác xã. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại và các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

- Tiếp tục chuyển đổi và nâng cao hiệu quả các hợp tác xã dịch vụ kiểu mới và các thành phần kinh tế tham gia dịch vụ, đảm bảo cung ứng giống chất lượng cao, vật tư sản xuất chất lượng và gắn kết thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

d) Củng cố và phát triển thị trường:

- Xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, hội thảo, du lịch, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, nhãn hiệu sản phẩm.

- Đồng bộ hoá các giải pháp và cơ chế chính sách: tiêu thụ hàng hóa, chống buôn lậu, làm hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại kết hợp với các biện pháp về giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

e) Cải cách hành chính:

- Xây dựng hệ thống chính quyền các cấp của huyện trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện cải cách hành chính gắn với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công vụ, quy chế một cửa, không để xảy ra điểm nóng, khiếu kiện đông người, vượt cấp.

g) Giải pháp hợp tác phát triển:

- Chủ động hội nhập và hợp tác đầu tư phát triển: công nghiệp phụ trợ, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, dịch vụ thương mại, du lịch, giao thông vận tải... với các huyện lân cận và cả tỉnh.

- Mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư phát triển: công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, thực phẩm, dịch vụ, du lịch, giao thông vận tải, giáo dục, y tế...

- Xây dựng kế hoạch phối hợp, kết hợp với các địa phương khác trong và ngoài vùng, tạo ra sự phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững cho cả vùng, cụ thể là:

+ Phối hợp phát triển kết cấu hạ tầng: Nâng cấp tuyến đường kết nối trục phát triển Anh Sơn - Đô Lương - Tân Kỳ - Nghĩa Đàn - Thái Hòa - Quỳnh Hợp, nối Tân Kỳ với các huyện lân cận như Yên Thành, Quỳnh Hợp, Đô Lương, Con Cuông.

+ Hợp tác xây dựng các tour du lịch: Liên kết phát triển các tuyến du lịch kết nối các điểm du lịch của huyện Tân Kỳ với các điểm du lịch trong và ngoài vùng như Đồi Chè - Thanh Chương, Đồi hoa Hướng Dương - Nghĩa Đàn, Truong Bồn - Đô Lương...

+ Hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa xã hội: Liên kết đào tạo nghề, đẩy mạnh giao lưu văn hóa, thể thao giữa các dân tộc tạo mối quan hệ đoàn kết và phát triển của vùng.

5. Giải pháp khoa học - công nghệ

- Tăng cường và đẩy nhanh tốc độ chuyển giao công nghệ, nhất là những công nghệ phục vụ phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực của huyện. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án tin học của Nhà nước, chuẩn bị điều kiện cần thiết cho việc thực hiện chương trình "Chính phủ điện tử".

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, nhất là giống cây, con để tạo ra khâu đột phát về năng suất, chất lượng, phù hợp thị hiếu của khách hàng và tính thích nghi cao, dùng thuốc sinh học thay thế dần thuốc hóa học trong công tác phòng chống dịch bệnh.

- Rà soát, lựa chọn để đầu tư mở rộng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ đã có hiệu quả trên địa bàn, tạo ra sản phẩm hàng hóa.

- Đầu tư ứng dụng KHCN và các giải pháp về thị trường để phát triển các sản phẩm truyền thống của địa phương tạo ra các sản phẩm hàng hóa có khối lượng lớn, chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Xây dựng và quảng bá các thương hiệu cho các sản phẩm sản xuất trên địa bàn huyện, đẩy mạnh việc áp dụng hệ quản lý tiên tiến vào các đơn vị sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường (nước, đất, không khí) tại các khu khai thác và chế biến khoáng sản, nông lâm sản, cụm công nghiệp, làng nghề.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường đối với mọi người dân.

- Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Quan tâm việc bố trí quỹ đất cho sản xuất và xây dựng trên địa bàn có hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ chất thải, nhất là chất thải độc hại. Tăng cường công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý chất thải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Ủy ban nhân dân huyện Tân Kỳ:

Sau khi điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tân Kỳ đến năm 2020 được phê duyệt, tổ chức công bố, phổ biến điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế huyện Tân Kỳ đến năm 2020 được phê duyệt đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện để tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan của tỉnh nghiên cứu xây dựng các quy hoạch ngành, lĩnh vực đồng bộ và phù hợp; lựa chọn các chương trình dự án ưu tiên để đưa vào kế hoạch 5 năm và hàng năm; đề xuất các cơ chế, chính sách để thực hiện quy hoạch.

2. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Tân Kỳ trong việc thực hiện quy hoạch đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tân Kỳ với quy

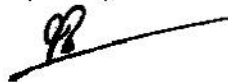
hoạch, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Văn hoá và Thể thao, Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND huyện Tân Kỳ và Thủ trưởng các liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ^{MA}

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tân Kỳ;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (Thiền).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đường

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN KỲ ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 2 năm 2017
của UBND tỉnh Nghệ An)*

TT	Tên công trình, dự án
I	CÁC DỰ ÁN DO TỈNH VÀ HUYỆN QUẢN LÝ THỰC HIỆN
1	Xây dựng đường giao thông Hương Sơn - Phú Sơn - Nghĩa Hành Tân Kỳ - Đồng Văn
2	Xây dựng đường giao thông liên xã Đông Lau - Thung Mòn
3	Xây dựng chợ huyện Tân Kỳ, chợ nghĩa Hoàn, chợ Nghĩa Hành, chợ Vạn Long, chợ Tân Hương
4	Xây dựng hội trường trung tâm văn hóa huyện Tân Kỳ
5	Xây dựng thư viện kiêm bảo tàng huyện Tân Kỳ
6	Xây dựng trạm y tế các xã Phú Sơn, Nghĩa Hợp, Hương Sơn và sửa chữa các hạng mục bệnh viên đa khoa Huyện
7	Xây dựng trung tâm giao dịch một cửa huyện Tân Kỳ
8	Xây dựng trụ sở làm việc UBND các xã Nghĩa Bình, Tân Xuân, Tân Phú, Nghĩa Hành, Phú Sơn
9	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới các hồ đập tại các xã
10	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tại xã Nghĩa Thái
11	Cải tạo, nâng cấp và xử lý cải thiện môi trường bãi rác huyện Tân Kỳ
12	Xây dựng các phòng học, nhà chức năng cho các trường tiểu học, THCS
13	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang liệt sỹ huyện Tân Kỳ
14	Xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp và làng nghề
15	Xây dựng khu vực phòng thủ huyện Tân Kỳ
16	Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Kỳ
17	Mở rộng đường nội thị thị trấn
II	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ
1	Xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng tại xã Nghĩa Hoàn
2	Xây dựng nhà máy gạch ngói Tuynel công nghệ cao tại cụm công nghiệp Nghĩa Hoàn
3	Xây dựng nhà máy sản xuất gạch ngói công nghệ cao tại xã Tân Long

4	Xây dựng nhà máy chế biến bột đá siêu mịn tại xã Nghĩa Dũng
5	Xây dựng nhà máy may Tân Kỳ
6	Xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm (bò, lợn, gà..)
7	Xây dựng nhà máy chế biến gỗ cao cấp tại xã Nghĩa Dũng
8	Xây dựng khu xử lý rác thải xã Tân Long
9	Xây dựng Chợ và trung tâm thương mại Tân Kỳ
10	Xây dựng trung tâm hội nghị, khách sạn nhà hàng tại trường TH thị trấn cũ
11	Xây dựng khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên tại thị trấn Tân Kỳ
12	Xây dựng bến xe liên tỉnh và trạm dừng nghỉ cơ giới đường bộ trên đường Hồ Chí Minh
13	Xây dựng khách sạn nhà hàng dọc đường Hồ Chí Minh
14	Xây dựng khu du lịch cộng đồng làng nghề thổ cẩm Thái Minh, xã Tiên Kỳ
15	Xây dựng khu du lịch hang động sinh thái Thung Khiển, xã Tân Hợp
16	Xây dựng khu đô thị mới Tân Kỳ
17	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tân Kỳ tại các xã Tân Phú, Nghĩa Thái và Tân Xuân

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, địa điểm, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.